| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ ĐÔNG HÒA**<br>**TỈNH PHÚ YÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Bùi Thị Lệ Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Tàu và bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1986

Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980

Địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên vào

năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà T là do bất đồng quan điểm, hay kình cãi; ông T thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc. Hai bên đã sống xa nhau từ đầu năm 2022, không ai quan tâm ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T xin ly hôn ông T.

Con chung: vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Phương Kiều M, sinh ngày 11/9/2005 và Nguyễn Kiều Phương T, sinh ngày 14/5/2010. Cháu M và T đang ở với ông T. Khi ly hôn, bà T giao hai con chung cho ông T nuôi, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không yêu cầu gì khác.

** Theo bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Hai bên đã sống xa nhau từ đầu năm 2022. Nay bà T xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương vợ. Trường hợp, Tòa án xét ly hôn, ông T xin nuôi hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục; những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T; về con chung: giao cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu M và T, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần xin ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T, trú tại: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2004, được Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 236/2004, ngày 24/12/2004 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính, quan điểm bất đồng nên thường xuyên kình cãi. Xét mâu thuẫn giữa bà T, ông T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2.2] Con chung: bà T và ông T có hai con chung tên là Nguyễn Phương Kiều M, sinh ngày 11/9/2005 và Nguyễn Kiều Phương T, sinh ngày 14/5/2010 hiện do ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu M và T có nguyện vọng xin ở với ông T. Bà T và ông T thống nhất giao hai cháu M và T cho ông T nuôi, bà T không phải cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cho hai cháu M và T được ổn định chỗ ở, phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần; nên công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: nguyên đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung: giao cho ông Nguyễn Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Nguyễn Phương Kiều M, sinh ngày 11/9/2005 và

Nguyễn Kiều Phương T, sinh ngày 14/5/2010. Bà Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0006722 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên, đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. Đông Hoà;
- Chi cục THADS TX. Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Lệ Hiền**